| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thùy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương
2. Bà Trần Thị Hậu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Công Chức - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1983 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi ở hiện nay: Số nhà 56 tổ 6, thôn Xuân Long, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội (nay là xã Xuân Mai, Thành phố Hà Nội)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1982 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố Chu Hải, phường Tân Hải, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Tân Hải, Thành phố Hồ Chí Minh)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đề ngày 06 tháng 5 năm 2025 và bản tự khai đề ngày 28/7/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày*:

Bà và ông Nguyễn Văn D bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông (nay là xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 21/6/2004. Thời gian đầu chung sống thì bà và ông D chung sống rất hạnh phúc, không có gì xảy ra. Tuy nhiên, đến năm 2010 bà phát hiện ra ông D ngoại tình, thường xuyên nhậu nhẹt rồi về đánh đập vợ con. Khi đó, con còn nhỏ nên bà cố gắng nhẫn nhịn, năm 2012 bà tiếp tục sinh thêm một bé nữa nhưng ông D vẫn không thay đổi, đến hiện tại thì bà không chịu đựng được nữa nên bà đã dẫn con về mẹ ruột sinh sống. Nay xét thấy,

tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông D chung sống có hai con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh năm 2005 (đã thành niên) và trẻ Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 16/11/2012. Hiện tại trẻ Huy đang ở cùng bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Huy, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Do bà đã trình bày lời khai, cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, bà bận đi làm hiện tại ở xa nên bà đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bà, bà cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình.

*Tại bản tự khai ngày 11 tháng 8 năm 2025 bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng) vào năm 2004. Thời gian đầu ông và bà T chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Tuy nhiên, thời gian gần đây bà T bỏ về bắc sinh sống mà ông không biết lý do tại sao, khi ông hỏi thì bà T báo không hợp, hết duyên nên muốn ly hôn. Ông và bà T sống ly thân từ khi bà T về bắc. Khi bà T về bắc thì ông có gọi điện đề nghị bà T quay về chung sống với nhau nhưng bà T không đồng ý. Từ khi bà T trở về bắc thì ông và bà T ít gọi điện trao đổi, ông chỉ gọi điện để nói chuyện với con trai ông. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý vì xét thấy không thể hàn tình cảm được nữa.

Về con chung: Ông và bà T có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh năm 2005 (đã thành niên) và trẻ Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 16/11/2012. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao trẻ Huy cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Do ông đã trình bày lời khai thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông bận công việc gia đình nên ông đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông, ông cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn D. Đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Nguyễn Văn D cư trú tại tổ 5, khu phố Chu Hải, phường Tân Hải, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Tân Hải, Thành phố Hồ Chí Minh)

nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D sống chung có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T xác định bà và ông D mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà yêu cầu được ly hôn với ông D để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong vụ án này, bà T khai vợ chồng bà mâu thuẫn trầm trọng do ông D ngoại tình, nhậu nhẹt rồi về nhà đánh đập vợ con, mặc dù bà đã khuyên bảo nhưng ông D không thay đổi. Ông D cũng thừa nhận giữa ông và bà T có mâu thuẫn mặc dù đã khuyên bảo bà T quay trở về chung sống nhưng bà T không đồng ý nên ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà T vì không thể hàn gắn tình cảm được nữa. Bà T và ông D cùng xác nhận ông bà đã sống ly thân, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ giữa bà T và ông D không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông D.

[6] Về con chung: Bà T và ông D cùng xác nhận ông bà có hai con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh năm 2005 (đã thành niên) và trẻ Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 16/11/2012. Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Huy.

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; Nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con".*

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh thì trẻ Huy có nguyện vọng được sống cùng với bà T. Đồng thời ông D đồng ý giao trẻ Huy cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, từ những nhận định và phân tích nêu trên, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ Huy, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Huy cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi trẻ Huy, đây là sự tự nguyện của bà T và không trái luật nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông D.

[8] Về tài sản chung: Bà T và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà T với ông D trong

vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Bà T và ông D xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T

Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D

Giấy chứng nhận kết hôn số 206/2004 do Ủy ban nhân dân xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 21/6/2004 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà T và ông D có hai con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh năm 2005 (đã thành niên) và trẻ Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 16/11/2012. Giao trẻ Huy cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Huy đối với ông D.

Ông D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004089 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV 12 - TPHCM;
- THADS TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy**